

Số: 164/2020/QĐST-HNGĐ

Chiêm Hoá, ngày 03 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà B, tổ V, thị trấn V1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Lê Tuấn N sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà B, tổ V, thị trấn V1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Tuấn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

+ Cháu Lê Tuấn V2, sinh năm 2000 đã đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Tuấn N không yêu cầu Tòa án giải quyết về người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Tuấn A1, sinh ngày 23/8/2005. Anh Lê Tuấn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Tuấn A1 là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) một tháng. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng thực hiện từ tháng 10 năm 2020 đến khi cháu A1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Lê Tuấn N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

" Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H1 và anh Lê Tuấn N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Tuấn N đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền án phí chị H phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002751 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Lê Tuấn N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã T1, huyện, tỉnh Hải Dương (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đào Thị Bích Ngọc